

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 37

930
RÁC
K
AFI
17

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
PHONG PHÚ**

**Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào
ngày 30 tháng 06 năm 2015**



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú ("Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427564 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 18 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 08 3754 7999
- Fax : 08 3754 7996

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mứt kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Thái Nhã Ngôn	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Lệ Thu	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Vinh Hiển	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Thanh Tùng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Thái Nhã Ngôn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Vinh Hiển	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thanh Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Tô Thái Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ban Điều hành		
Ông Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Hồ Vinh Hiển	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc chất lượng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Minh Hùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2012

344
CÔNG
NHIỆ
EM
VIỆ
TP.H

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thảo Hương	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Văn Khởi	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Chắc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính này và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc	01 tháng 04 năm 2014

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ông Thái Nhã Ngôn
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2015

3004
CỔ
HÁCH N
KIẾ
AFC
1-

T.N.H.N
H

Số: 120/2015/BCSX-HCM.00623

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 8 năm 2015, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày trên và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 05 tháng 02 năm 2015.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.795.091.021	41.417.324.678
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.049.944.943	8.980.714.580
Tiền	111		2.049.944.943	4.980.714.580
Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	4.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.685.551.649	12.041.624.619
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.837.407.210	11.025.010.975
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	11.786.914	116.589.074
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	836.357.525	900.024.570
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	15.003.208.898	14.474.652.419
Hàng tồn kho	141		15.003.208.898	14.474.652.419
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		56.385.531	920.333.060
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	56.385.531	84.797.829
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	835.535.231
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.939.214.509	75.786.554.477
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		72.971.734.961	74.399.090.884
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	52.531.323.010	53.679.489.963
Nguyên giá	222		66.328.166.008	65.932.303.918
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.796.842.998)	(12.252.813.955)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	20.440.411.951	20.719.600.921
Nguyên giá	228		21.965.117.967	21.965.117.967
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.524.706.016)	(1.245.517.046)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	5.2	500.000.000	500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.467.479.548	1.887.463.593
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.467.479.548	1.887.463.593
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.734.305.530	118.203.879.155

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		62.533.947.516	68.007.327.678
Nợ ngắn hạn	310		41.755.058.627	48.364.827.678
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	14.830.882.007	17.140.889.051
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	124.570.528	388.469.610
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	236.797.148	204.693.631
Phải trả người lao động	314	5.13	-	467.201.916
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	82.602.550	157.190.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	467.145.050	172.752.038
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	25.511.111.111	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	501.950.233	(166.368.568)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		20.778.888.889	48.642.500.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	890.000.000	962.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	19.888.888.889	48.680.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.200.358.014	50.196.551.477
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	54.200.358.014	50.196.551.477
Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.205.500.000	2.205.500.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.610.752.844	2.138.540.310
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.384.105.170	852.511.167
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		852.511.167	(4.940.561.051)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.531.594.003	5.793.072.218
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.734.305.530	118.203.879.155



NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG
Người lập

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng

THÁI NHÃ NGÔN
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2015

1004
CỔ
SÁCH
KIẾ
1FC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	39.152.922.214	34.811.334.400
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.438.581.836	12.647.937
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10		37.714.340.378	34.798.686.463
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	6.3	29.620.163.096	28.138.117.626
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.094.177.282	6.660.568.837
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	744.652.870	986.017.580
Chi phí tài chính	22	6.5	(329.636.949)	1.941.419.259
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(329.636.949)	1.890.376.599
Chi phí bán hàng	25	6.6	703.632.116	879.679.328
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	2.549.380.608	3.495.754.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.915.454.377	1.329.733.564
Thu nhập khác	31		319.786	251.877.477
Chi phí khác	32		-	352.958.983
Lợi nhuận khác	40		319.786	(101.081.506)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.915.774.163	1.228.652.058
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.193.648.825	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.722.125.338	1.228.652.058



NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG
Người lập

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng

THAI NHÀ NGON
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	
	VND	VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.915.774.163	1.228.652.058
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.823.218.013	1.878.448.525
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(744.652.870)	(986.017.580)
Chi phí lãi vay	06	(329.636.949)	1.890.376.599
Các điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.664.702.357	4.011.459.602
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.602.175.131)	(4.218.064.842)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(528.556.478)	(1.538.477.247)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.899.393.942)	21.260.264.470
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	448.396.343	405.544.390
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.162.336.555)	(2.023.626.599)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(245.331.165)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.489.386.054	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(164.251.900)	(51.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	439.583	17.845.899.774
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(395.862.090)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	4.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(490.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	744.652.870	986.017.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.348.790.780	496.017.580
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	48.750.000.000	7.401.307.330
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.030.000.000)	(11.370.645.335)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.280.000.000)	(3.969.338.005)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	1.069.230.363	14.372.579.349
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	9.980.714.580	1.454.069.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	11.049.944.943	15.826.649.347

NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG
Người lập

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng

THÁI NHÀ NGỒN
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, Đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú ("Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427564 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 18 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 08 3754 7999
- Fax : 08 3754 7996

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mút kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: PPP
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 4.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 45.000.000.000 VND

Ngày 18 tháng 7 năm 2011, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại dược phẩm

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh thuốc chữa bệnh; dịch vụ y tế; xuất nhập khẩu trực tiếp các ngành trên. Sản xuất, mua bán trà. Mua bán mỹ phẩm.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

1.5 Cấu trúc của Công ty**Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế	100%	100%	100%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ tài chính năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 115 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành bởi Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 8 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
Tài sản cố định khác	15 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất 40 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Cổ đông góp vốn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt (VND)	13.005.864	78.762.365
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	2.036.939.079	4.901.952.215
Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	5.000.000.000
	11.049.944.943	9.980.714.580

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312559234 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 07 tháng 05 năm 2015. Công ty này chủ yếu mua hàng hóa từ công ty mẹ để bán ra thị trường.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

		Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
		VND	VND
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Bán hàng	13.688.196.933	10.228.465.376

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	7.004.941.253	3.312.590.781
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	2.058.000	6.174.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Shine Pharma	2.161.263.324	871.042.429
Công ty TNHH Dược phẩm Đại Quang	2.618.803.350	2.827.555.455
Nguyễn Thị Kim Huy và Nguyễn Thị Kim Ngọc	500.000.000	1.300.000.000
Các khách hàng khác	2.550.341.283	2.207.648.310
	14.837.407.210	11.025.010.975

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	11.786.914	116.589.074
	11.786.914	116.589.074

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	30/06/2015 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2015 Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu các cửa hàng	525.000.000	-	530.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Mười	159.995.000	-	159.995.000	-
Lãi dự thu	22.133.333	-	24.927.778	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	308.292	-	96.132.792	-
Tạm ứng	56.169.000	-	62.969.000	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	67.751.900	-	26.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.000.000	-	-	-
	836.357.525	-	900.024.570	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.501.064.630	-	7.006.496.043	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.558.311.382	-	1.381.525.671	-
Thành phẩm	6.345.057.446	-	5.770.383.779	-
Hàng hóa	598.775.440	-	223.480.350	-
Hàng gửi đi bán	-	-	92.766.576	-
	15.003.208.898	-	14.474.652.419	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí bảo hiểm	27.120.531	84.797.829
Chi phí sửa xe	29.265.000	-
	56.385.531	84.797.829

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công cụ, dụng cụ	1.467.479.548	1.887.463.593
	1.467.479.548	1.887.463.593

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	40.227.809.688	24.612.271.894	841.674.717	31.500.000	219.047.619	65.932.303.918
Mua trong năm	-	-	320.862.090	-	75.000.000	395.862.090
Tại ngày 30/06/2015	40.302.809.688	24.612.271.894	1.162.536.807	31.500.000	219.047.619	66.328.166.008
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	3.344.611.039	8.148.513.980	509.141.317	31.500.000	219.047.619	12.252.813.955
Khấu hao trong năm	478.902.003	1.024.442.592	40.684.448	-	-	1.544.029.043
Tại ngày 30/06/2015	3.823.513.042	9.172.956.572	549.825.765	31.500.000	219.047.619	13.796.842.998
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	36.883.198.649	16.463.757.914	332.533.400	-	-	53.679.489.963
Tại ngày 30/06/2015	36.479.296.646	15.439.315.322	612.711.042	-	-	52.531.323.010

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	461.118.928	4.515.336.266	141.606.706	-	-	5.118.061.900
Tại ngày 30/06/2015	461.118.928	4.515.336.266	141.606.706	-	-	5.118.061.900

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.024.649.127 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	21.935.117.967	30.000.000	21.965.117.967
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	21.935.117.967	30.000.000	21.965.117.967
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	1.233.850.380	11.666.666	1.245.517.046
Khấu hao trong kỳ	274.188.972	4.999.998	279.188.970
Tại ngày 30/06/2015	1.508.039.352	16.666.664	1.524.706.016
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	20.701.267.587	18.333.334	20.719.600.921
Tại ngày 30/06/2015	20.427.078.615	13.333.336	20.440.411.951

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 20.427.078.615 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	115.500.000	247.327.500
Phải trả các nhà cung cấp		
Celltrion Pharm, Inc.	3.799.812.751	3.799.812.751
Công ty Cổ phần Dược Cửu Long	3.000.193.020	4.410.815.200
Các nhà cung cấp khác	7.915.376.236	8.682.933.600
	14.830.882.007	17.140.889.051

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	97.057.583	251.382.165
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Thành Đạt	27.512.945	27.512.945
Công ty TNHH Dược phẩm Xuân Hòa	-	109.574.500
	124.570.528	388.469.610

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		30/06/2015	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	177.687.649	-	3.048.195.877	(3.129.062.298)	96.821.228	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	143.787.300	(143.787.300)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(835.535.231)	1.193.648.825	(245.331.165)	112.782.429	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.005.982	-	34.376.165	(34.188.656)	27.193.491	-
Thuế nhà đất	-	-	1.014.750	(1.014.750)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	204.693.631	(835.535.231)	4.426.022.917	(3.558.384.169)	236.797.148	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.915.774.163	1.228.652.058
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.915.774.163	1.228.652.058
Thu nhập không chịu thuế - Cổ tức	(490.097.686)	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(1.228.652.058)
Thu nhập tính thuế	5.425.676.477	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.193.648.825	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.193.648.825	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.193.648.825	-

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.13 Phải trả người lao động

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền lương phải trả	-	467.201.916
	-	467.201.916

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)	-	72.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	82.602.550	85.190.000
	82.602.550	85.190.000

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	23.563.900	16.278.250
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	436.033.550	156.200.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.547.600	273.788
	467.145.050	172.752.038

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	890.000.000	962.500.000
	890.000.000	962.500.000

5.16 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Ông Thái Nhã Ngôn (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Bà Phạm Thị Minh Tâm (*)	550.000.000	550.000.000	-	-
Ông Đỗ Ngọc An (*)	50.000.000	50.000.000	-	-
Bà Trần Lệ Thu (*)	400.000.000	400.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (*)	600.000.000	600.000.000	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	15.911.111.111	15.911.111.111	-	-
	25.511.111.111	25.511.111.111	-	-

(*) Thông tin chi tiết về từng khoản vay ngắn hạn

Đối tượng	Mục đích vay	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Trần Lệ Thu	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 06/03/2015 đến 06/12/2015	500 triệu	7,4%/năm	Không có
Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 01/03/2015 đến 01/12/2015	600 triệu	7,4%/năm	Không có
Đỗ Ngọc An	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 15/02/2015 đến 15/11/2015	100 triệu	7,4%/năm	Không có
Phạm Thị Minh Tâm	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 13/02/2015 đến 13/11/2015	550 triệu	7,4%/năm	Không có
Thái Nhã Ngôn	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 13/02/2015 đến 13/11/2015	8 tỷ	7,4%/năm	Không có

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ tài chính như sau:

	01/01/2015 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	30/06/2015 VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	9.750.000.000	-	(150.000.000)	9.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	15.911.111.111	-	15.911.111.111
	-	9.750.000.000	15.911.111.111	(150.000.000)	25.511.111.111

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay các bên liên quan				
Vay dài hạn các tổ chức khác				
Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – CN Chợ Lớn	-	-	48.680.000.000	48.680.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn (**)	19.888.888.889	19.888.888.889		
	19.888.888.889	19.888.888.889	48.680.000.000	48.680.000.000

() Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn**

Đối tượng	Mục đích vay	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Vietinbank 150450007/2015-HĐTDDA/NHCT9 23.	Thanh toán nợ vay tại ngân hàng	30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	34.130.000.000	8,5%/năm	- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469877, số vào sổ cấp GCN: T00586, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 132 Đường Nguyễn Thị Tần, P2, Q8, TP.HCM.
Vietinbank 150450008/2015-HĐTDDA/NHCT9 23	MHB CN Chợ Lớn để thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh theo tiêu chuẩn GMP của WHO tại KCN Tân Tạo, HCM.	Trả lãi: ngày 25 của tháng Trả gốc: ngày 25 của tháng. Ngày bắt đầu trả lãi: 25/03/2015	4.870.000.000	8,5%/năm	- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469876, số vào sổ cấp GCN: T00583, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 623 đường Hưng Phú, P9, Q8, TP.HCM. - Quyền sử dụng của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469875, số vào sổ cấp GCN: T00587, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 313 đường Bình Đông, P15, Q8, TP.HCM. - Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469879, số vào sổ cấp GCN: T00584, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 11 đường Âu Dương Lân, P3, Q8, TP.HCM. - Quyền sử dụng của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469879, số vào sổ cấp GCN: T00584, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 543 đường Tùng Thiện Vương, P12, Q8, TP.HCM - Quyền sử dụng của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB694332, số vào sổ cấp GCN: CT02398, do UBND TP.HCM cấp ngày 11/09/2010, địa chỉ: Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP.HCM
					- Các máy móc thiết bị đang sử dụng tại nhà máy sản xuất thuốc lô 12, đường số 8, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM - Các tài sản gắn liền với Thửa Đất tại địa chỉ: Lô 12, đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 30/06/2015			
Vay dài hạn ngân hàng	35.800.000.000	15.911.111.111	19.888.888.889
	35.800.000.000	15.911.111.111	19.888.888.889
Tại ngày 01/01/2015			
Vay dài hạn ngân hàng	48.680.000.000	-	48.680.000.000
	48.680.000.000	-	48.680.000.000

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2015 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2015 VND
Quỹ khen thưởng	(166.368.568)	708.318.801	(40.000.000)	501.950.233
	(166.368.568)	708.318.801	(40.000.000)	501.950.233

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	29.799.990.000	2.205.500.000	2.088.392.594	-	(4.940.561.051)	29.153.321.543
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.228.652.058	1.228.652.058
Trích lập các quỹ	-	-	-	61.432.603	(184.297.809)	(122.865.206)
Số dư tại ngày 30/06/2014	29.799.990.000	2.205.500.000	2.088.392.594	61.432.603	852.511.167	30.259.108.395
Tăng vốn trong kỳ	15.200.010.000	-	-	-	-	15.200.010.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.714.863.308	4.714.863.308
Trích lập các quỹ	-	-	-	(11.284.887)	33.854.661	22.569.774
Số dư tại ngày 31/12/2014	45.000.000.000	2.205.500.000	2.088.392.594	50.147.716	852.511.167	50.196.551.477
Phân loại lại (*)	-	-	50.147.716	(50.147.716)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	45.000.000.000	2.205.500.000	2.138.540.310	-	852.511.167	50.196.551.477
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.722.125.338	4.722.125.338
Trích lập các quỹ	-	-	472.212.534	-	(472.212.534)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(708.318.801)	(708.318.801)
Thù lao hội đồng quản trị năm 2014	-	-	-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	45.000.000.000	2.205.500.000	2.610.752.844	-	4.384.105.170	54.200.358.014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

(*) Phân loại lại số dư theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**Cổ đông**

	30/06/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Thái Nhã Ngôn	17.018.910.000	37,82
Ông Hồ Vinh Hiển	2.819.000.000	6,27
Các cổ đông khác	25.162.090.000	55,91
	45.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông Thái Nhã Ngôn	17.018.910.000	37,82	17.018.910.000	-
Ông Hồ Vinh Hiển	2.819.000.000	6,27	2.819.000.000	-
Các cổ đông khác	25.162.090.000	55,91	25.162.090.000	-
	45.000.000.000	100,00	45.000.000.000	-

5.18.3 Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã trích các quỹ 2015 theo Biên bản Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 25 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	72.212.534
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	708.318.801

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm	39.139.011.469	34.811.334.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.910.745	-
	39.152.922.214	34.811.334.400

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 8.2. Giao dịch về cung cấp hàng hóa cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	6.174.000	10.290.000

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Hàng bán bị trả lại	1.438.581.836	12.647.937
	1.438.581.836	12.647.937

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn thành phẩm	29.620.163.096	28.138.117.626
	29.620.163.096	28.138.117.626

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi	254.555.184	11.193.997
Cổ tức, lợi nhuận được chia	490.097.686	974.823.583
	744.652.870	986.017.580

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	2.159.749.105	1.390.376.599
Ngân sách Nhà nước cấp bù lãi vay	(2.489.386.054)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	51.042.660
	(329.636.949)	1.441.419.259

6.6 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên	594.174.725	271.847.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.166.668	9.166.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.034.448	380.716.808
Chi phí bằng tiền khác	47.256.275	217.948.371
	703.632.116	879.679.328

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên	1.275.294.791	1.551.611.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.873.418	365.592.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.411.792	345.436.606
Chi phí khác	552.800.607	733.114.430
	2.549.380.608	3.095.754.266

6.8 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.073.092.889	25.950.237.568
Chi phí nhân công	4.745.343.869	4.290.977.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.823.218.013	1.878.448.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.342.278.751	320.745.810
Chi phí khác	1.013.291.507	-
	33.997.225.029	32.440.409.413

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Công ty mua và bán các công cụ phái sinh, và cũng làm phát sinh các khoản nợ phải trả tài chính, nhằm quản lý rủi ro thị trường. Tất cả các giao dịch này đều được thực hiện trong khuôn khổ hướng dẫn của Ban quản lý rủi ro.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng

304
CÔ
CH NH
KIẾP
FC V
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	25.511.111.111	19.888.888.889	45.400.000.000
Phải trả người bán	14.830.882.007	-	14.830.882.007
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	526.183.700	890.000.000	1.416.183.700
	40.868.176.818	20.778.888.889	61.647.065.707
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	-	48.680.000.000	48.680.000.000
Phải trả người bán	17.140.889.051	-	17.140.889.051
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	241.663.788	962.500.000	1.204.163.788
	17.382.552.839	49.642.500.000	67.025.052.839

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.16).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2015 và 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

iv. Giá trị hợp lý**(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu bên thứ ba</i>	7.830.407.957	7.206.246.193	7.830.407.957	7.206.246.193
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	7.006.999.253	3.818.764.781	7.006.999.253	3.818.764.781
<i>Các khoản phải thu khác</i>	712.128.333	714.922.778	712.128.333	714.922.778
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	11.049.944.943	9.980.714.580	11.049.944.943	9.980.714.580
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	67.751.900	26.000.000	67.751.900	26.000.000
Tổng cộng	26.667.232.386	25.746.648.332	26.667.232.386	25.746.648.332
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	45.400.000.000	48.680.000.000	45.400.000.000	48.680.000.000
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	115.500.000	247.327.500	115.500.000	247.327.500
<i>Phải trả người bán</i>	14.715.382.007	16.893.561.551	14.715.382.007	16.893.561.551
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	1.416.183.700	1.204.163.788	1.416.183.700	1.204.163.788
Tổng cộng	61.647.065.707	67.025.052.839	61.647.065.707	67.025.052.839

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh thuốc tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Bán hàng	13.048.470.965	10.228.465.376
	Góp vốn	-	490.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Mua hàng hóa	500.475.000	1.692.547.500
	Bán hàng hóa	6.174.000	10.290.000
Ông Thái Nhã Ngôn	Vay	8.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Vay	550.000.000	-
Ông Đỗ Ngọc An	Vay	100.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Vay	600.000.000	-
Bà Trần Lệ Thu	Vay	500.000.000	-

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Ứng trước tiền hàng	97.057.583	251.382.165
	Phải thu tiền hàng	7.004.941.253	3.812.590.781
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Phải thu tiền hàng	2.058.000	6.174.000
	Phải trả tiền hàng	115.500.000	247.327.500
Ông Thái Nhã Ngôn	Vay	8.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Vay	550.000.000	-
Ông Đỗ Ngọc An	Vay	50.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Vay	600.000.000	-
Bà Trần Lệ Thu	Vay	400.000.000	-

8.3 Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thù lao, lương và thưởng	686.644.615	768.308.675
	686.644.615	768.308.675

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

8.4 Số liệu so sánh**8.4.1 Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh.

8.4.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

		01/01/2015		01/01/2015
	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	136	811.055.570	88.969.000	900.024.570
Tài sản ngắn hạn khác	155	88.969.000	(88.969.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.088.392.594	50.147.716	2.138.540.310
Quỹ dự phòng tài chính		50.147.716	(50.147.716)	-

8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG
Người lập

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng

THAI NHÃ NGÔN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2015

